TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2018
V/v tranh chấp "*Xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Việt Quốc.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Trường Huân**.

Bà **Nguyễn Thị Tuyết Ái**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Huynh** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hoàng Lưu** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 342/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63B/2018/QĐXXST-DS ngày 02/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim D ,** sinh năm **1972.**
Cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S,** sinh năm **1970.**
Cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà D có mặt, ông S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 30/10/2017 cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo của bà Nguyễn Thị Kim D trình bày: Hôn nhân của bà với ông Nguyễn Văn S tự tìm hiểu, không tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 06/11/2002. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn, ông S ghen tuông vô cớ, thường hay đánh bà. Bà và ông S ly thân từ tháng 6/2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, gia đình hai bên không có đứng ra hàn gắn. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn vơi ông S.

Về quan hệ con chung: Bà và ông S có 02 con chung. 1/ Nguyễn Thành S, sinh ngày 03/4/1996. 2/ Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 14/10/2002. Hiện nay cháu S đã trưởng

thành, có việc làm nên bà không yêu cầu. Cháu N đang sống với bà. Khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho ông S theo quy định nhưng ông S vẫn không có mặt theo văn bản triệu tập của Tòa án, mặc dù trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án có phân công cán bộ đến tại nhà của ông S làm việc nhưng vẫn không gặp ông S để ghi lời khai.

Chứng cứ thu thập được: Tại biên bản làm việc ngày 30/01/2018 được ông Nguyễn Thành S cho biết: Ông là con của bà D, ông S. Cha mẹ em đã ly thân được 7, 8 tháng nay. Nguyên nhân do cha mẹ em thường hay cãi nhau, bất đồng quan điểm, cha thường hay đánh mẹ. Hiện nay cha đi làm tại Bình Dương, vài tháng về thăm nhà một lần. Khi Tòa án thụ lý thì em có nói lại với cha nhưng do cha bận công việc nên không thể đến Tòa án được.

Tại biên bản xác minh ngày 01/3/2018 được ông Nguyễn Văn M – cán bộ ấp H cho biết: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1970 hiện còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Ông S là chồng bà Nguyễn Thị Kim D. Ông S và bà D đã ly thân khoảng 01 nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông S khi có rượu trong người thường hay đập phá đồ trong nhà và đánh bà D. Địa phương cũng nhiều lần đứng ra hòa giải nhưng không thành. Hiện nay ông S đi làm thuê, vài tháng về nhà một lần.

Tại Phiên tòa bà D bảo lưu ý kiến. Riêng ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX), xét xử vắng mặt ông S theo thủ tục chung.

Quan điểm Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc ghi lời khai, hòa giải, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim D.

Về quan hệ tình cảm: Bà D và ông S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Xét đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, việc mâu thuẫn giữa bà D và ông S không thể hàn gắn nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà D được ly hôn với ông S.

Về quan hệ con chung: 1/ Nguyễn Thành S, sinh ngày 03/4/1996. Đã trưởng thành và tự lập để bà D tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 14/10/2002, công nhận, sự tự nguyện của bà D không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà D trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn S. Đồng thời, ông S cư trú trên địa bàn huyện A. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà D, ông S do tự tìm hiểu, không tổ cức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 06/11/2002 theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà D xin ly hôn với ông S, HĐXX xét thấy thời gian ly thân giữa bà D, ông S đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Việc bà D trình bày thường bị ông S đánh phù hợp với lời trình bày của Nguyễn Thành S và tổ hòa giải ấp H. HĐXX xét thấy mâu thuẩn của bà D và ông S không thể hàn gắn nên HĐXX chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà D theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà D, ông S có 02 con chung. 1/ Nguyễn Thành S, sinh ngày 03/4/1996. 2/ Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 14/10/2002. Hiện nay cháu S đã trưởng thành và tự lập nên HĐXX không xem xét. Bà D yêu cầu tiếp tục nuôi cháu N. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay thì cháu N sống chung với bà D. Cháu N cũng trình bày nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với bà D. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của con chung, HĐXX nghĩ nên chấp nhận để cho bà D tiếp tục nuôi dạy cháu N là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX công nhận sự tự nguyện của bà D.

HĐXX cũng giải thích cho các đương sự biết: Bà D cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D xác định không có nên HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Bà D là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân. Các bên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

***Xử*: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim D.**

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về con chung: Bà D được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 14/10/2002.

Bà L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002641 ngày 11/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. (bà D đã nộp đủ)

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (28/3/2018) các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn này đối với ông S được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Việt Quốc